

Bản án số:04/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 15- 01 - 2025  
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đoàn Thị Duyên

Bà Nguyễn Thị Như Trang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐ-HPT ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1945;

Nơi ĐKKHKT: thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1941

Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình

Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình vào ngày 09/3/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà ông C nhưng thường xuyên mâu thuẫn và không có tiếng nói chung do cả hai vợ chồng đều cùng lớn tuổi và không qua tìm hiểu trước khi kết hôn. Vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi từ năm 2020 đến nay. Nay bà N thấy không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng với ông C được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn là ông Trần Văn C* không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai.

Người làm chứng - anh Trần Hồng Q (là con trai ông C) trình bày: Ông C và bà N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình vào năm 2011. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại gia đình anh ở thôn Luật Nội Đông xã Quang Lịch huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà bình thường cho đến vài năm nay do ông C sức khỏe yếu, tuổi già nên ông bà không còn hợp nhau nữa, bà N đã tự bỏ về nhà không chung sống cùng ông C nữa, ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay bà N xin ly hôn ông C, quan điểm của gia đình anh là đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn. Vợ chồng ông bà không có con chung, không có tài chung, không vay nợ chung.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày 18/12/2024 thể hiện: bà N và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông C ở thôn Luật Nội Đông xã Quang Lịch huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng nên ông bà đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay bà N xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà N, ông C không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ các tổ chức, đoàn thể tại địa phương. Ông C vẫn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa phương.

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do bà N cung cấp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà ông C nhưng ông C vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị

đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho bà N được ly hôn ông C.

Về quan hệ con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí ly hôn sơ thẩm nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà N và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Tòa án đã triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn và ông C vắng mặt. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng ông bà thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xử cho bà N được ly hôn ông C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Không có

[5] Về quan hệ tài sản: Bà N trình bày là không có, Tòa án không ghi được lời khai của ông C nên chưa có cơ sở xem xét, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: Bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí ly hôn sơ thẩm nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Hoàng Thị N được ly hôn ông Trần Văn C.

2. *Về quan hệ con chung:* Không có.

3. *Về quan hệ tài sản:* Không giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Hoàng Thị N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Kiên Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Lịch (ĐKHK 09/3/2011);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Xuân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**